

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Khổng Văn H, sinh năm 1973 (Có mặt);

Bị đơn: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Khổng Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị B đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2024. Do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm. Hiện nay ông và bà B không còn chung sống, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Ông không còn tình cảm với bà B nên xin ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông và bà B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà B không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/8/2025, bị đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà B đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về hôn nhân: Ông Khổng Văn H và bà Đỗ Thị B xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H xác định, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm. Hiện nay ông và bà B không còn chung sống, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với bà B nên ông H xin ly hôn. Bà B đồng ý ly hôn với ông H.

Do ông H và bà B không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định ông H và bà B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông H và bà B ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông H và bà B thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H và bà B thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Ông H và bà B thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải

quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Khổng Văn H.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Khổng Văn H và bà Đỗ Thị B.

- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Ông Khổng Văn H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 09/6/2025 ông H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005740 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Khổng Văn H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Đỗ Thị B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà